

VAI TRÒ CỦA CHÍNH SÁCH XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ CƠ SỞ ĐỐI VỚI SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN ĐỒNG BÀO KHMER VÙNG TÂY NAM BỘ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

Ngày nhận bài: 07/09/2015
 Ngày nhận lại: 27/10/2015
 Ngày duyệt đăng: 04/01/2016

Nguyễn Tùng Lâm¹

TÓM TẮT

Trong bài viết này tác giả đã trình bày khái quát những đặc điểm cơ bản về đặc điểm cư trú, điều kiện về kinh tế, xã hội, văn hóa của vùng đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ. Từ đó đã nêu lên vai trò và tầm quan trọng của chính sách xây dựng hệ thống chính trị cơ sở đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ. Đó là những căn cứ lý luận, là cơ sở quan trọng cho chính sách xây dựng và đổi mới hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn vùng đồng bào Khmer Tây Nam bộ nước ta hiện nay.

Từ khóa: Chính sách xây dựng, hệ thống chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ.

ABSTRACT

In this paper the authors present an overview of the resident characteristics, and economic, social and cultural conditions of the areas inhabited by the Khmer people in the Mekong Delta. The paper then pointed out the role and importance of policies to build the political system for economic development in this area. It is the basis for policy development and renewal of the political system in the area inhabited by the Khmer people in our country today.

Keywords: building policy, political systems, socio-economic development, ethnic Khmer in the Mekong Delta.

1. Vài nét về đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ

Đồng bào dân tộc Khmer vùng Nam bộ là cư dân có mặt lâu đời trên vùng đất Nam bộ nước ta; phần đông cư trú ở các tỉnh, thành phố khu vực miền Tây Nam bộ; một bộ phận sống ở Thành phố Hồ Chí Minh và một số tỉnh miền Đông Nam bộ. Đồng bào Khmer có tiếng nói và hệ thống chữ viết khá hoàn chỉnh với nền văn hóa phong phú, đa dạng. Trải qua nhiều thế kỷ cộng cư, đồng bào Khmer cùng với các dân tộc anh em khác trên cùng địa bàn, như Việt, Hoa... đã có một quá trình giao lưu, tiếp xúc văn hóa lâu dài nên đã hình thành nét văn hóa chung cho vùng đất Tây Nam bộ, bên cạnh những yếu tố văn hóa riêng

của từng tộc người.

Về địa bàn cư trú, một trong những đặc điểm của đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ là hầu hết sống ở nông thôn, cư trú thành những cụm dân cư gọi là “phum”, “sóc” tương đối biệt lập với cộng đồng các dân tộc khác. Cũng có một bộ phận đồng bào sống xen kẽ với người Kinh, còn một số hộ khác sinh sống rải rác ở vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và ở ven các kênh rạch.

Về hoạt động kinh tế, sản xuất nông nghiệp giữ vai trò quan trọng trong đời sống kinh tế và có ảnh hưởng khá lớn đến sinh hoạt văn hóa, xã hội, tôn giáo... của người Khmer: “Nghề nghiệp chính của bà con là trồng lúa khoảng 53,54%, trồng trọt hoa màu chiếm

¹ ThS, Trường Đại học Chính Trị, Bộ Quốc Phòng. Email: Lamkhanh13@gmail.com

9,16%, chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy hải sản khoảng 18,32%, buôn bán 2,5% và một bộ phận đồng bào đi làm thuê, làm mướn, chiếm khoảng 16,45% dân số dân tộc Khmer” (Nguyễn Xuân Châu, 2008). Là những cư dân nông nghiệp nên thu nhập của người Khmer từ các hoạt động tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ hoặc làm thuê chiếm tỷ trọng khá thấp mà chủ yếu là do hoạt động trồng trọt, chăn nuôi mang lại. Những năm qua, được sự quan tâm của Đảng và Nhà nước, thu nhập của đại bộ phận bà con dân tộc đã được nâng lên đáng kể. Tuy nhiên, so với các dân tộc anh em khác, thu nhập của người Khmer cơ bản vẫn còn thấp. Một thực tế gần như ít thay đổi là tỷ lệ nghèo đói của người Khmer luôn cao hơn so với các dân tộc khác trong vùng, trong đó nhiều hộ có hoàn cảnh rất khó khăn.

Về đời sống văn hóa, chính trị, xã hội của đồng bào Khmer, các hoạt động văn hóa nghệ thuật, thể dục thể thao, vui chơi giải trí được diễn ra khá phong phú, đa dạng, đặc biệt là các hoạt động tổ chức lễ, tết theo phong tục cổ truyền như: *Lễ cầu an* (mừng được mùa, cầu cho phum, sóc được bình an, vui vẻ), *Lễ mừng năm mới* (Choolchnămthmây), *Lễ cúng ông bà* (Đônta, tưởng nhớ đến công ơn ông bà, cha mẹ và người thân, tạ ơn những người đã khuất và cầu phúc lành cho những người còn sống), *Lễ hội cúng Trăng* (Okombok, là lễ hội tung bưng nhất trong năm, cúng trăng xin thần điều tiết mùa màng, giúp làm ăn khá giả), *Lễ khánh thành*, *Lễ lên nhà mới*...

Trong đời sống văn hóa - xã hội của đồng bào Khmer, ngôi chùa mang một ý nghĩa khá thiêng liêng, chứa đựng những tình cảm sâu sắc của người Khmer. Chùa là biểu tượng tinh thần của cộng đồng dân cư cũng như từng cá nhân trong phum, sóc. Trong quan niệm của người Khmer, việc đóng góp công sức, tiền của xây dựng chùa được coi là việc làm công đức, là con đường đưa tới sự giải thoát. Vì vậy, dù sống nghèo túng trong những căn nhà lụp sụp, thiếu thốn nhưng họ vẫn sẵn sàng đóng góp tiền của, công sức để xây dựng những ngôi chùa khang trang, lộng lẫy. Hiện

nay, ở vùng Tây Nam bộ có khoảng 435 chùa và gần 10.000 sư tăng Nam tông Khmer, được phân bố cụ thể như sau: An Giang 64 chùa, Bạc Liêu 22 chùa, Cần Thơ 26 chùa, Cà Mau 6 chùa, Kiên Giang 73 chùa, Sóc Trăng 90 chùa, Trà Vinh 141 chùa, Vĩnh Long 13 chùa. Tính bình quân 2500 người Khmer có một ngôi chùa và khoảng 128000 người có một nhà sư. Những sư sãi có vị trí đặc biệt trong quan hệ xã hội, ảnh hưởng mạnh và chi phối sâu sắc đến đời sống kinh tế, chính trị, xã hội của đồng bào Khmer. Phần đông họ là những người có kinh nghiệm về sản xuất nông nghiệp, biết dự đoán về thời tiết, lựa chọn giống cây trồng, vật nuôi,... Họ khá gần gũi với đồng bào và họ được nhân dân Khmer kính trọng, yêu mến. Do đó, mặc dù không trực tiếp thực hiện vai trò là người lãnh đạo, quản lý, nhưng những ý kiến của họ có ảnh hưởng quan trọng đến việc điều hành các hoạt động của phum, sóc. Tuy nhiên, “qua thực tế ở nhiều địa phương cho thấy, trình độ học vấn của các vị sư sãi rất thấp, đa số có trình độ tiểu học và trung học cơ sở. Cá biệt, có không ít trường hợp các vị sư sãi không biết nói tiếng phổ thông hoặc chỉ biết chút ít, nên ảnh hưởng rất lớn đến việc nâng cao trình độ nhận thức, đặc biệt là rất hạn chế trong việc tiếp thu đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước” (Trần Thanh Nam, 2011). Qua khảo sát, hiện có tới 70% sư sãi chỉ có trình độ phổ thông cơ sở, 10% số sư không biết chữ quốc ngữ, số sư có trình độ trung cấp Phật học rất ít. Thực tế cho thấy, những năm gần đây, “có tình trạng một số hộ gia đình Khmer do nhiều lý do khác nhau, nhưng chủ yếu xuất phát từ lý do kinh tế đã tham gia vào các tôn giáo khác, quay lưng lại với tôn giáo truyền thống, tạo nên sự xáo trộn về tâm linh trong cộng đồng các dân tộc, mất ổn định chính trị - xã hội trong vùng (đến tháng 6 năm 2001, ở tỉnh Kiên Giang đã có 118 hộ gia đình dân tộc Khmer theo đạo Tin Lành và 25 hộ theo đạo Công giáo)” (Trần Thanh Nam, 2001). Vì lẽ đó, chính sách xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn đồng bào Khmer không thể không tính đến những đặc điểm ấy.

Về trình độ học vấn của đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ năm 2011 như sau:

Cấp học	Số lượng (nghìn người)	Tỷ lệ %
Mù chữ, tái mù chữ	144.203	12%
Cấp tiểu học	576.812	48%
Cấp trung học cơ sở	324.457	27%
Cấp trung học phổ thông	108.152	9%
Đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	48.067	4%
Tổng cộng	1.201.691	100%

Nguồn: Ủy ban Dân tộc, Vụ địa phương III.

2. Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ

2.1. Đặc điểm và cấu trúc của hệ thống chính trị cơ sở

Hệ thống chính trị cơ sở được xác định là cấp xã, phường, thị trấn; là một trong hệ thống bốn cấp quản lý hành chính nhà nước ở nước ta hiện nay, gồm: cấp Trung ương, cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã. Hệ thống chính trị là một chỉnh thể thống nhất từ Trung ương đến cơ sở, đồng thời ở mỗi cấp lại có hệ thống chính trị tương ứng. Hệ thống chính trị cơ sở là toàn bộ các thiết chế chính trị ở cấp cơ sở (tổ chức đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân của xã, phường, thị trấn và mối quan hệ giữa chúng) được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc xác định, gắn bó hữu cơ, thống nhất với nhau về mục đích, chức năng, nhiệm vụ nhằm thực hiện sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở. Là một bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị nước Việt Nam XHCN, do vậy, hệ thống chính trị cơ sở cũng mang đầy đủ những đặc điểm chung của toàn bộ hệ thống.

Ngoài ra, xét trên hai khía cạnh là địa vị pháp lý và điều kiện thực tế, hệ thống chính trị cơ sở còn có những đặc điểm:

- Là cấp gần nhất với cộng đồng dân cư, do đó tổ chức cũng như cơ chế hoạt động có tính tự quản cao, thường chịu sự chi phối bởi các quan hệ khác (phong tục, tính ngưỡng,

huyết thống, địa vị...).

- Thẩm quyền pháp lý xét trong toàn bộ hệ thống là cấp tổ chức thực hiện đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ở các cơ sở.

- Là cấp có bộ máy đơn giản nhất, có đội ngũ biên động nhất, ít tính chuyên nghiệp và trực tiếp chịu sự chi phối của nhân dân và cũng là cấp đầu tiên đối mặt với những yêu cầu bức xúc của dân chúng, những mâu thuẫn nảy sinh trong đời sống kinh tế-xã hội.

Xã, phường, thị trấn được xem là cơ sở của xã hội, là nơi cư trú, sinh sống của người dân, nơi thực thi đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, là cầu nối trực tiếp giữa dân với Đảng. Mỗi quan hệ công tác của hệ thống chính trị cấp cơ sở thể hiện trong cơ chế tổ chức, nội dung và phương thức hoạt động: tổ chức Đảng có vai trò hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị cơ sở, chính quyền xã, phường có vai trò quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên bao gồm Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Nông dân, Hội liên hiệp Phụ nữ và Hội Cựu chiến binh, Liên đoàn lao động,... có vai trò đoàn kết, tập hợp quần chúng tham gia vào các hoạt động xây dựng và phát triển đất nước, thực hiện dân chủ cơ sở.

2.2. Vai trò của hệ thống chính trị cơ sở đối với phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa trên địa bàn đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ

Hệ thống chính trị ở cơ sở nói chung và hệ

thống chính trị cơ sở trên địa bàn đồng bào Khme vùng Tây Nam bộ nói riêng có vị trí, vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển kinh tế xã hội, đảm bảo và giữ vững ổn định chính trị - xã hội để thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. *Nghị quyết Trung ương 5 khóa IX* đã xác định, việc củng cố và tăng cường, đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị không có mục đích tự thân mà hướng tới phát huy quyền dân chủ, quyền làm chủ của nhân dân từ cơ sở. Tầm quan trọng của chính sách xây dựng hệ thống chính trị cơ sở đối với sự phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ trong giai đoạn hiện nay được thể hiện trên những nội dung chủ yếu sau:

Một là, chính sách xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ góp phần khắc phục sự lạc hậu trong sản xuất để thúc đẩy kinh tế phát triển, nâng cao đời sống vật chất cho đồng bào, giữ vững ổn định chính trị. Xuất phát từ những điều kiện kinh tế - xã hội của đồng bào Khme vùng Tây Nam bộ cho thấy, phải đặc biệt chú trọng việc giữ vững ổn định chính trị ở cơ sở, nhất là nông thôn trên địa bàn đồng bào Khmer. Rõ ràng, nếu để sự yếu kém của hệ thống chính trị ở cơ sở xảy ra thì sự mất ổn định chính trị - xã hội sẽ là hệ quả tất yếu khó tránh khỏi.

Với sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước ta, đến nay hệ thống chính trị vùng đồng bào dân tộc nói chung, vùng đồng bào Khmer miền Tây Nam bộ nói riêng bước đầu được củng cố, kiện toàn, chất lượng hoạt động được nâng lên. Tuy nhiên, nhiều khó khăn, yếu kém vẫn đang là một thách thức: trình độ của đội ngũ cán bộ còn thấp, công tác phát triển đảng chậm; cấp ủy, chính quyền và các đoàn thể nhân dân ở nhiều nơi hoạt động chưa hiệu quả, chưa thực sự sát dân nên việc qui tụ, đoàn kết, gắn bó đồng bào thành một khối thống nhất còn hạn chế. Thực tế đó ảnh hưởng to lớn đến quá trình thực hiện những chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước đối với đồng bào dân tộc.

Thực tế vừa qua ở nước ta càng cho thấy

sự cần thiết, bức xúc của việc củng cố, xây dựng và phát triển hệ thống chính trị cơ sở. Kinh nghiệm lịch sử và bài học của ông cha ta về việc an dân, trị quốc, cũng như kinh nghiệm đấu tranh cách mạng qua các thời kỳ do Đảng lãnh đạo đã cho thấy: việc giữ dân, giành dân có tầm quan trọng đặc biệt đối với sự bền vững của chế độ. Do vậy, để ổn định chính trị và phát triển xã hội, nhất thiết phải sớm khắc phục những yếu kém của hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ, phải xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trở thành hệ thống chính trị thực sự của dân, do dân và vì dân; chính quyền trong lòng dân. Chỉ trên cơ sở xây dựng được một hệ thống chính trị được lòng dân, được dân tin, dân yêu mến, dân giúp đỡ, dân ủng hộ và dân bảo vệ từ cơ sở thì ổn định chính trị mới được đảm bảo, mục tiêu kinh tế - xã hội của sự nghiệp đổi mới mới được thực hiện thắng lợi.

Phát triển toàn diện và chăm lo tới cuộc sống vật chất và tinh thần của nông dân, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo và khắc phục sự phân hóa giàu nghèo đang diễn ra trên địa bàn, đảm bảo dân chủ và công bằng xã hội đối với đồng bào không chỉ là những nhiệm vụ đặt ra hàng ngày đối với hệ thống chính trị ở cơ sở nói chung, và vùng đồng bào Khme vùng Tây Nam bộ nói riêng, mà còn là thước đo đánh giá sự chuyển biến của hệ thống chính trị cơ sở của vùng. Như vậy, vai trò của chính sách xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở đối với sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ thể hiện tập trung nhất ở việc bảo đảm vai trò lãnh đạo chính trị của Đảng, tăng cường chức năng quản lý của Nhà nước theo đường lối chính trị của Đảng đối với kinh tế, phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong mọi mặt của đời sống thực tế.

Hai là, chính sách xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ góp phần phát huy vai trò của Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, xây dựng và củng cố niềm tin của đồng bào với Đảng, Nhà nước.

Thực tế xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ những năm qua cho thấy, vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở từng bước được phát huy; chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức trong hệ thống chính trị ở cơ sở được thực hiện đầy đủ hơn. Bộ máy chính quyền đã tăng cường quản lý, điều hành theo pháp luật, góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng. Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã làm tương đối tốt vai trò nòng cốt trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân và trong thực hiện Pháp lệnh thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn. Trình độ, kiến thức và năng lực công tác của cán bộ cơ sở từng bước được nâng cao. Cấp ủy, chính quyền, mặt trận Tổ quốc và tổ chức chính trị - xã hội cấp trên cơ sở đã quan tâm chỉ đạo theo hướng thiết thực, hiệu quả, kịp thời giải quyết những khó khăn, vướng mắc cho cơ sở. Tuy nhiên, vấn đề đổi mới, không ngừng hoàn thiện hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ vẫn đang là yêu cầu bức thiết. Thực hiện tốt chính sách xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ hiện nay sẽ phát huy vai trò của Đảng, chính quyền, đoàn thể ở cơ sở, góp phần quan trọng trong việc xây dựng và củng cố niềm tin của đồng bào dân tộc Khmer với Đảng và Nhà nước.

Ba là, chính sách xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ góp phần thực hiện dân chủ, phát huy tính tích cực, chủ động của đồng bào trong tham gia xây dựng Đảng, chính quyền; trong xóa đói giảm nghèo, xóa bỏ những phong tục, tập quán lạc hậu; kế thừa, phát huy những giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào.

Dân chủ hóa đời sống xã hội, thực hiện có hiệu quả quy chế dân chủ cơ sở và đưa Nghị quyết Hội nghị Trung ương 5, Khóa IX về đổi mới và nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở cơ sở xã, phường, thị trấn vào cuộc sống - đó là vấn đề cơ bản, lâu dài để tạo ra trên địa bàn đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ một cộng đồng xã hội đồng thuận, đoàn

kết, dân chủ và ngày càng ổn định, phát triển. Theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, dân chỉ biết đến giá trị của dân chủ, của độc lập tự do khi dân được ăn no, mặc ấm. Nước nhà có độc lập tự do mà dân chúng vẫn đói rét, nghèo nàn, lạc hậu thì độc lập tự do đó cũng chẳng có ích gì. Do đó, phải làm cho dân có ăn, có mặc, có chỗ ở, được học hành, được chăm sóc sức khỏe, được hưởng tự do và hạnh phúc. Chỉ có thực hành dân chủ rộng rãi mới là chiếc chìa khóa vạn năng để giải quyết mọi khó khăn, thách thức.

Để tăng cường sự tham gia của đồng bào Khmer vào việc xây dựng và thực hiện chính sách xây dựng phát triển kinh tế - xã hội, ổn định chính trị ở địa phương cần phải nâng cao trình độ dân trí của đồng bào, tuyên truyền ý nghĩa và tầm quan trọng của việc thực hiện chính sách của Đảng và Nhà nước để nâng cao nhận thức của đồng bào, đẩy mạnh thực hiện quy chế dân chủ cơ sở, cơ cấu thành phần tham dự là đại biểu đồng bào các dân tộc thiểu số (người đứng đầu các tôn giáo, các phum, sóc và đại biểu của các khu dân cư,...) trong suốt quá trình thực hiện chính sách, tuyệt đối tránh tư tưởng, thái độ ban ơn từ phía cán bộ, đảng viên.

Tiếp tục tăng cường đầu tư phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX khẳng định: “Ưu tiên đầu tư phát triển kinh tế - xã hội các vùng dân tộc và miền núi, trước hết, tập trung vào phát triển giao thông và cơ sở hạ tầng, xóa đói, giảm nghèo; khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh của từng vùng, đi đôi với bảo vệ bền vững môi trường sinh thái” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003). Cụ thể là, cần phải đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng (điện, đường, trường, trạm), hoàn thiện hệ thống thủy lợi, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất để tăng năng suất lao động, nâng cao hiệu quả chương trình khuyến nông, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, định canh định cư, giao đất, tạo điều kiện để đồng bào vay vốn phát triển sản xuất.

Phát huy nỗ lực vươn lên của đồng bào trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX khẳng định: “phát huy nội lực, tinh thần tự lực tự cường của đồng bào các dân tộc, đồng thời tăng cường sự quan tâm hỗ trợ của Trung ương và sự giúp đỡ của các địa phương trong cả nước” (Đảng Cộng sản Việt Nam, 2003), tránh tư tưởng trông chờ, ỷ lại của đồng bào dân tộc thiểu số. Muốn vậy, cần phải tăng cường tuyên truyền giáo dục trong đồng bào các dân tộc, đẩy mạnh phong trào thi đua lao động sản xuất, nêu gương điển hình để đồng bào noi theo.

Để vùng đồng bào dân tộc Khmer phát triển đạt hiệu quả bền vững cần phải đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên địa bàn. Nhà nước cần xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp tại địa phương, nơi đồng bào dân tộc đang sinh sống, tạo điều kiện cho đồng bào Khmer thật sự tham gia vào lao động công nghiệp trong các cơ sở sản xuất công nghiệp. Điều này chắc chắn sẽ góp phần đẩy nhanh chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng Tây Nam bộ, giải quyết việc làm, giải quyết lao động dư thừa, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo bền vững ở vùng dân tộc thiểu số. Muốn vậy, Nhà nước phải có chính sách ưu đãi đặc biệt (thuế, đất đai, kết cấu hạ tầng – kỹ thuật,...) đối với những doanh nghiệp đầu tư ở nơi đây; khuyến khích và giao nhiệm vụ cho các doanh nghiệp nhà nước đi đầu trong việc triển khai, xây dựng các cơ sở sản xuất công nghiệp; có quy hoạch cụ thể để sản xuất, phát triển các sản phẩm công nghiệp thuộc thế mạnh của từng địa phương.

Để phát triển các cơ sở sản xuất công nghiệp ở vùng đồng bào Khmer Tây Nam bộ cần phải có nguồn nhân lực lao động công nghiệp. Nguồn nhân lực hiện tại nơi đây chưa thể đáp ứng tốt yêu cầu này nhưng chúng ta có thể tiến hành từng bước; lựa chọn quy mô, trình độ kỹ thuật công nghệ phù hợp. Mặt khác, phải có chiến lược quy hoạch xây dựng, phát triển các cơ sở dạy nghề; đẩy mạnh công tác dạy nghề và có chính sách hỗ trợ, ưu đãi cho các cơ sở, trung tâm dạy nghề.

Bốn là, chính sách xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ góp phần thu hút và sử dụng có hiệu quả đội ngũ cán bộ dân tộc nơi đây nhằm mục tiêu phát triển kinh tế xã hội.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói, cán bộ là gốc của mọi công việc và muôn việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém. Thực tế cũng cho thấy, nơi nào tổ chức cơ sở Đảng trong sạch vững mạnh, thực sự trở thành hạt nhân lãnh đạo của hệ thống chính trị; đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực, sâu sát với tình hình thực tế địa phương, biết lắng nghe ý kiến và nguyện vọng của quần chúng thì kinh tế - xã hội nơi đó ổn định, có điều kiện phát triển tốt, đồng bào nơi đó có điều kiện xây dựng đời sống ấm no, hạnh phúc.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đó, Đảng và Nhà nước ta những năm qua luôn quan tâm đến việc nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị vùng đồng bào dân tộc nói chung, đồng bào dân tộc Khmer vùng Tây Nam bộ nói riêng. Trong đó, vấn đề nâng cao năng lực và sức chiến đấu của mỗi cán bộ, đảng viên, nhất là người dân tộc, được đặc biệt chú trọng. Tính đến nay, “Ở khu vực đồng bằng sông Cửu Long đã có trên 10 ngàn cán bộ công chức, viên chức là người Khmer trong hệ thống chính trị các cấp. Cơ quan dân cử có 9 đại biểu Quốc hội khóa XII, Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2004 - 2009 có 2.279 đại biểu. Công tác phát triển đảng viên được các cấp Ủy quan tâm chỉ đạo, tăng cường phát triển đảng viên là người dân tộc Khmer. Số đảng viên mới kết nạp hàng năm đều tăng, đến nay tổng số đảng viên toàn vùng trên 8.600 đồng chí, chiếm tỷ lệ 4,1% so với 9 tỉnh có đồng bào Khmer và chiếm 0,67% so với dân số dân tộc Khmer trong toàn khu vực” (Thiên Linh, 2008).

Trong điều kiện hiện nay, trong chính sách xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn đồng bào Khmer vùng Tây Nam bộ cần thu hút những người có trình độ, năng lực và nhiệt tình về công tác tại cơ sở, đồng thời loại bỏ cán bộ không đủ tiêu chuẩn khỏi các vị trí công tác; tạo điều kiện và khuyến khích cán bộ

không ngừng nâng cao trình độ, năng lực công tác; khuyến khích cán bộ làm việc tận tụy, có trách nhiệm, trong sạch, gắn bó với nhân dân.

3. Kết luận

Nói tóm lại, hệ thống chính trị mà chúng ta đang đổi mới, hoàn thiện là hệ thống chính trị hướng đến xây dựng chế độ dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy vai trò làm chủ của các tầng lớp nhân dân. Tiếp cận và nghiên cứu hệ thống chính trị như một chỉnh thể sẽ thấy rõ được mối quan hệ máu thịt giữa hệ thống chính trị với dân và giữa dân với hệ thống chính trị. Hệ thống chính trị của chúng ta đang xây dựng về thực chất là hệ thống chính trị

của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, trong đó hệ thống chính trị cơ sở gần dân nhất, trực tiếp vì dân nhất. Do vậy, mọi hoạt động của các chủ thể quyền lực trong hệ thống chính trị cơ sở phải nhằm bảo đảm thực hành dân chủ, phản ánh ý chí, nguyện vọng của nhân dân tại cơ sở. Mọi cơ chế, quy chế thực hiện dân chủ và hoạt động của hệ thống chính trị cơ sở phải được dân biết, dân bàn, dân tham gia, dân kiểm tra... Những căn cứ lý luận đó là cơ sở quan trọng cho chính sách xây dựng hệ thống chính trị cơ sở trên địa bàn vùng đồng bào Khmer Tây Nam bộ nước ta hiện nay.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Phan An và Nguyễn Xuân Nghĩa (1984). Dân tộc Khmer trong các dân tộc ít người ở Việt Nam (các tỉnh phía nam), Hà Nội. Nxb Khoa học xã hội.
- Phan An (1984). Một số vấn đề kinh tế - xã hội của vùng nông thôn Khmer ĐBSCL trong vấn đề dân tộc ở ĐBSCL, Hà Nội. Nxb Khoa học xã hội.
- Phan An (1995). Cơ chế quản lý xã hội truyền thống phun, sóc của người Khmer Nam bộ trong làng xã ở châu Á và Việt Nam, Viện KHXH tại TP. Hồ Chí Minh, Nxb TP. Hồ Chí Minh.
- Nguyễn Khắc Cảnh (1998). Phum sóc Khmer ở ĐBSCL, Hà Nội. Nxb Giáo dục.
- Nguyễn Khắc Cảnh (2000). Sự hình thành cộng đồng Khmer vùng ĐBSCL, (Văn hóa Nam bộ trong không gian xã hội ĐNA), TP.HCM. Nxb Đại học Quốc gia TP. HCM.
- Nguyễn Xuân Châu (2008). Môi trường vùng đồng bào dân tộc Khmer Nam bộ thực trạng và thách thức. *Tạp chí Dân tộc*, (94).
- Đảng Cộng sản Việt Nam (2003). Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX, Hà Nội. Nxb Chính trị quốc gia.
- Lê Xuân Diệu (1987). Con đường phát triển kinh tế-văn hóa trong buổi đầu lịch sử của ĐBSCL, (Mấy đặc điểm văn hóa ĐBSCL), Hậu Giang. Nxb Tổng hợp Hậu Giang.
- Trần Kim Dung (2000). Văn hóa truyền thống của người Khmer ĐBSCL trong cuộc sống hiện nay, (Văn hóa Nam bộ trong không gian xã hội Đông Nam Á), TP.HCM. Nxb Đại học Quốc gia, TP. HCM.
- Đinh Văn Liêm (1988). Văn hóa Khmer trong quá trình giao lưu và phát triển ở ĐBSCL, (Tìm hiểu vốn văn hóa dân tộc Khmer Nam bộ), Hậu Giang. Nxb Tổng hợp Hậu Giang.
- Thiên Linh (2008). Đời sống đồng bào Khmer Nam bộ ngày càng được cải thiện, Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam, cập nhật ngày 10/09.
- Trần Thanh Nam (2001). Phát triển đời sống tinh thần của đồng bào dân tộc Khmer Nam bộ trong công cuộc đổi mới hiện nay, Hà Nội. Luận án tiến sĩ triết học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.